|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU  **TỔ: KHOA HỌC XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ-ĐỊA LÍ LỚP 8**

**Năm học 2023 - 2024**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Học kỳ I** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Tuần** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **Tổng** |
| **Lịch sử** | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **27** |
| **Địa lí** | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **27** |
| **Tổng** | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **54** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Học kỳ II** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Tuần** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **Tổng** |
| **Lịch sử** | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | **26** |
| **Địa lí** | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | **25** |
| **Tổng** | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **51** |

**ĐỐI VỚI CÁC TIẾT KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

|  |  |
| --- | --- |
| KTGK I: Tuần 10 (KT chung LS 50%- ĐL 50% , thời gian 90 phút) | KTCK I: Tuần 18 (KT chung LS 50%- ĐL 50% , thời gian 90 phút) |
| KTGK II: Tuần 27 (KT chung LS 50%- ĐL 50% , thời gian 90 phút) | KTCK II: Tuần 35 (KT chung LS 50%- ĐL 50% , thời gian 90 phút) |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | | **Phân môn** | **TT tiết trong năm** | **Bài dạy** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số tiết**  **phân môn** | **Thiết bị dạy học** | | **Ghi chú** |
| **HỌC KÌ I** | | | | | | | | | |
| **1** | |  | **1** | **Bài 1.** Cách mạng tư sản Anh và Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ |  |  |  |  | |
|  | **2** |  |  |  | |
| **Địa** | **3** | Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam | **Nhận biết:** Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí.  **Thông hiểu:** Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam. | **1** | - Máy tính, ti vi.  - Bản đồ VN và các quốc gia trong khu vực ĐNÁ, năm 2021 |  | |
| **2** | |  | **4** |  |  |  |  |  | |
|  | **5** |  |  |  | |
| **Địa** | **6** | Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam | **Nhận biết:** Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí.  **Thông hiểu:** Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam. | **2** | - Máy tính, ti vi.  - Bản đồ VN và các quốc gia trong khu vực ĐNÁ, năm 2021 |  | |
| **3** | |  | **7** |  |  |  |  |  | |
|  | **8** |  |  |  | |
| **Địa** | **9** | Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam | **Nhận biết:** Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí.  **Thông hiểu:** Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam. | **3** | - Máy tính, ti vi.  - Bản đồ VN và các quốc gia trong khu vực ĐNÁ, năm 2021 |  | |
| **4** | |  | **10** |  |  |  |  |  | |
|  | **11** |  |  |  | |
| **Địa** | **12** | Bài 2. Địa hình Việt Nam | **Nhận biết**  – Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam: Đất nước đồi núi, đa phần đồi núi thấp; Hướng địa hình; Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa; Chịu tác động của con người.  – Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi; địa hình đồng bằng; địa hình bờ biển và thềm lục địa.  **Vận dụng:** Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế. | **4** | Bản đồ các khu vực địa hình VN |  | |
| **5** | |  | **13** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **14** | Bài 2. Địa hình Việt Nam | **Nhận biết**  – Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam: Đất nước đồi núi, đa phần đồi núi thấp; Hướng địa hình; Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa; Chịu tác động của con người.  – Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi; địa hình đồng bằng; địa hình bờ biển và thềm lục địa.  **Vận dụng:** Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế. | **5,6** | Bản đồ tự nhiên Việt Nam  Bản đồ các khu vực địa hình Việt Nam |  | |
| **15** |
| **6** | |  | **16** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **17** | Bài 2. Địa hình Việt Nam | **Nhận biết**  – Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam: Đất nước đồi núi, đa phần đồi núi thấp; Hướng địa hình; Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa; Chịu tác động của con người.  – Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi; địa hình đồng bằng; địa hình bờ biển và thềm lục địa.  **Vận dụng:** Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế. | **7,8** | Bản đồ tự nhiên Việt Nam  Bản đồ các khu vực địa hình Việt Nam |  | |
| **18** |  |  | |
| **7** | |  | **19** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **20** | Bài 3. Khoáng sản Việt Nam | **Nhận biết:** Nhớ được kí hiệu của các loại khoáng sản chủ yếu ở nước ta.  **Thông hiểu**  – Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.  – Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.  **Vận dụng:** Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của tài nguyên khoáng sản đối với phát triển kinh tế. | **9,10** |  |  | |
| **21** |
| **8** | |  | **22** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **23** | Bài 3. Khoáng sản Việt Nam | **Nhận biết:** Nhớ được kí hiệu của các loại khoáng sản chủ yếu ở nước ta.  **Thông hiểu**  – Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.  – Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.  **Vận dụng:** Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của tài nguyên khoáng sản đối với phát triển kinh tế. | **11,12** | - Máy tính, ti vi.  - Bản đồ phân bố một số loại khoáng sản ở VN |  | |
| **24** |
| **9** | |  | **25** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **26** | Bài 4. Khí hậu Việt Nam | **Nhận biết:** Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam.  **Thông hiểu:** Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam: phân hóa bắc nam, phân hóa theo đai cao. | **13,14** | - Máy tính, ti vi.  - Bản đồ khí hậu VN |  | |
| **27** | **Ôn tập giữa kì I** | GV ôn tập các các kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài 4. | Máy tính, ti vi. Học liệu. Bảng phụ; Phiếu học tập. |  | |
| **10** | |  | **28** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **29** | **Kiểm tra giữa kì I** | - Đánh giá được kiến thức, năng lực và phẩm chất của HS từ bài 1 đến bài 4. | **15** | Ma trận, đề kiểm tra, hướng dẫn chấm |  | |
| **30** | Bài 4. Khí hậu Việt Nam | **Nhận biết:** Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam.  **Thông hiểu:** Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam: phân hóa bắc nam, phân hóa theo đai cao. | **16** | - Máy tính, ti vi.  - Bản đồ khí hậu VN |  | |
| **11** | |  | **31** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **32** | Bài 4. Khí hậu Việt Nam | **Nhận biết:** Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam.  **Thông hiểu:** Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam: phân hóa bắc nam, phân hóa theo đai cao. | **17** | - Máy tính, ti vi.  - Bản đồ khí hậu VN |  | |
| **Địa** | **33** | Bài 5. Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ khí hậu | **Vận dụng:** Vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau. | **18** | - Máy tính, ti vi.  - Bản đồ khí hậu VN |  | |
| **12** | |  | **34** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **35** | Bài 5. Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ khí hậu | **Vận dụng:** Vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau. | **19** | - Máy tính, ti vi.  - Bản đồ khí hậu VN |  | |
| **36** | Bài 6. Thuỷ văn Việt Nam | **Nhận biết:** Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.  **Thông hiểu:** Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.  **Vận dụng cao:** Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông. | **20** | - Máy tính, ti vi.  - Bản đồ lưu vực các hệ thống sông và mạng lưới sông ngòi VN |  | |
| **13** | |  | **37** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **38** | Bài 6. Thuỷ văn Việt Nam | **Nhận biết:** Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.  **Thông hiểu:** Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.  **Vận dụng cao:** Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông. | **21,22** | - Máy tính, ti vi.  - Bản đồ lưu vực các hệ thống sông và mạng lưới sông ngòi VN |  | |
| **Địa** | **39** |
| **14** | |  | **40** |  |  |  |  |  | |
|  | **41** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **42** | Bài 6. Thuỷ văn Việt Nam | **Nhận biết:** Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.  **Thông hiểu:** Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.  **Vận dụng cao:** Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông. | **23** | - Máy tính, ti vi.  - Bản đồ lưu vực các hệ thống sông và mạng lưới sông ngòi VN |  | |
| **15** | |  | **43** |  |  |  |  |  | |
|  | **44** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **45** | Bài 6. Thuỷ văn Việt Nam | **Nhận biết:** Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.  **Thông hiểu:** Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.  **Vận dụng cao:** Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông. | **24** | - Máy tính, ti vi.  - Bản đồ lưu vực các hệ thống sông và mạng lưới sông ngòi VN |  | |
| **16** | |  | **46** |  |  |  |  |  | |
|  | **47** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **48** | Bài 7. Vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của nước ta | **Thông hiểu**  – Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp.  – Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.  **Vận dụng:** Phân tích được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một số điểm du lịch nổi tiếng của nước ta. | **25** | - Máy tính, ti vi.  - Sơ đồ tổng hợp tài nguyên nước, lược đồ khí hậu VN |  | |
| **17** | |  | **49** |  |  |  |  |  | |
|  | **50** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **51** | Ôn tập cuối kì I | GV ôn tập các các kiến thức cơ bản từ bài 4 đến bài 7. | **26** | Máy tính, ti vi. Học liệu. Bảng phụ; Phiếu học tập. |  | |
| **18** | |  | **52** |  |  |  |  |  | |
|  | **53** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **54** | Kiểm tra cuối kì I | - Đánh giá được kiến thức, năng lực và phẩm chất của HS từ bài 1 đến bài 7. | **27** | Ma trận, đề kiểm tra, hướng dẫn chấm |  | |
|  | HỌC KÌ II | | | | | | | | |
| **19** | |  | **55** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **56** | Bài 7. Vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của nước ta | **Thông hiểu**  – Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp.  – Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.  **Vận dụng:** Phân tích được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một số điểm du lịch nổi tiếng của nước ta. | **28,29** | - Máy tính, ti vi.  - Sơ đồ tổng hợp tài nguyên nước, lược đồ khí hậu VN |  | |
| **57** |
| **20** | |  | **58** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **59** | Bài 8. Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn VN | **Thông hiểu:** Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam.  **Vận dụng cao:** Tìm ví dụ về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. | **30, 31** | - Máy tính, ti vi.  - Bảng mức chênh lệch nhiệt độ trung bình của từng giai đoạn so với nhiệt độ trung bình 60 năm 1958 - 2018 |  | |
| **60** |
| **21** | |  | **61** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **62**  **63** | Bài 9. Thổ nhưỡng Việt Nam | **Nhận biết:** Trình bày được đặc điểm phân bố của ba nhóm đất chính.  **Thông hiểu**  – Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng.  – Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp.  – Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng của đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thuỷ sản.  **Vận dụng:** Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hoá đất. | **32, 33** | - Máy tính, ti vi.  - Bản đồ các nhóm đất chính VN |  | |
| **22** | |  | **64** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **65**  **66** | Bài 9. Thổ nhưỡng Việt Nam | **Nhận biết:** Trình bày được đặc điểm phân bố của ba nhóm đất chính.  **Thông hiểu**  – Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng.  – Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp.  – Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng của đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thuỷ sản.  **Vận dụng:** Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hoá đất. | **34, 35** | - Máy tính, ti vi.  - Bản đồ các nhóm đất chính VN |  | |
| **23** | |  | **67** |  |  |  |  |  | |
|  | **68** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **69** | Bài 9. Thổ nhưỡng Việt Nam | **Nhận biết:** Trình bày được đặc điểm phân bố của ba nhóm đất chính.  **Thông hiểu**  – Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng.  – Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp.  – Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng của đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thuỷ sản.  **Vận dụng:** Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hoá đất. | **36** | - Máy tính, ti vi.  - Bản đồ các nhóm đất chính VN |  | |
| **24** | |  | **70** |  |  |  |  |  | |
|  | |  | **71** |  |  |  |  |  | |
|  | | **Địa** | **72** | Bài 10. Sinh vật Việt Nam | **Nhận biết:** Trình bày được đặc điểm phân bố của sinh vật Việt Nam.  **Thông hiểu:** Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam.  **Vận dụng:**  - Phân tích bảng số liệu về biến động diện tích rừng ở Việt Nam.  **-** Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam. | **37** | - Máy tính, ti vi.  - Atlal Địa lí VN, bản đồ phân bố động vật và thực vật ở Việt Nam |  | |
| **25** | |  | **73** |  |  |  |  |  | |
|  | **74** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **75** | Bài 10. Sinh vật Việt Nam | **Nhận biết:** Trình bày được đặc điểm phân bố của sinh vật Việt Nam.  **Thông hiểu:** Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam.  **Vận dụng:**  - Phân tích bảng số liệu về biến động diện tích rừng ở Việt Nam.  **-** Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam. | **38** | - Máy tính, ti vi.  - Atlal Địa lí VN, bản đồ phân bố động vật và thực vật ở Việt Nam |  | |
| **26** | |  | **76** |  |  |  |  |  | |
|  | **77** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **78** | **Ôn tập giữa kì II** | GV ôn tập các các kiến thức cơ bản từ bài 7 đến bài 10. | **39** | Máy tính, ti vi. Học liệu. Bảng phụ; Phiếu học tập. |  | |
| **27** | |  | **79** |  |  |  |  |  | |
|  | **80** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **81** | **Kiểm tra giữa kì II** | - Đánh giá được kiến thức, năng lực và phẩm chất của HS từ bài 7 đến bài 10. | **40** | Ma trận, đề kiểm tra, hướng dẫn chấm |  | |
| **28** | |  | **82** |  |  |  |  |  | |
|  | **83** | Bài 10. Sinh vật Việt Nam | **Nhận biết:** Trình bày được đặc điểm phân bố của sinh vật Việt Nam.  **Thông hiểu:** Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam.  **Vận dụng:**  - Phân tích bảng số liệu về biến động diện tích rừng ở Việt Nam.  **-** Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam. | **41,42** | - Máy tính, ti vi.  - Atlal Địa lí VN, bản đồ phân bố động vật và thực vật ở Việt Nam |  | |
|  | **84** |
| **29** | |  | **85** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **86** | Bài 11. Phạm vi Biển Đông. Các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông. Đặc điểm tự nhiên của vùng biển đảo Việt Nam | **Nhận biết**  – Xác định được trên bản đồ phạm vi Biển Đông, các nước và vùng lãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam.  – Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam.  **Vận dụng**  – Xác định được trên bản đồ các mốc xác định đường cơ sở, đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc; trình bày được các khái niệm vùng nội thuỷ, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam). | **43,44** | - Máy tính, ti vi.  - Bản đồ vị trí và phạm vi của biển Đông. Bản đồ các mốc xác định đường cơ sở, đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa VN và TQ. Sơ đồ mặt cắt khái quát các vùng biển VN. |  | |
| **87** |
| **30** | |  | **88** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **89** | Bài 11. Phạm vi Biển Đông. Các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông. Đặc điểm tự nhiên của vùng biển đảo Việt Nam | **Nhận biết**  – Xác định được trên bản đồ phạm vi Biển Đông, các nước và vùng lãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam.  – Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam.  **Vận dụng**  – Xác định được trên bản đồ các mốc xác định đường cơ sở, đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc; trình bày được các khái niệm vùng nội thuỷ, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam). | **45,46** | - Máy tính, ti vi.  - Bản đồ vị trí và phạm vi của biển Đông. Bản đồ các mốc xác định đường cơ sở, đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa VN và TQ. Sơ đồ mặt cắt khái quát các vùng biển VN. |  | |
| **90** |
| **31** | |  | **91** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **92** | Bài 12. Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam | **Nhận biết:** Trình bày được các tài nguyên biển và thềm lục địa Việt Nam.  **Thông hiểu:** Nêu được đặc điểm môi trường biển đảo và vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam. | **47,48** |  |  | |
|  | **93** |
| **32** | |  | **94** |  |  |  |  |  | |
|  | **95** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **96** | Bài 12. Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam | **Nhận biết:** Trình bày được các tài nguyên biển và thềm lục địa Việt Nam.  **Thông hiểu:** Nêu được đặc điểm môi trường biển đảo và vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam. | **49** | - Máy tính, ti vi.  -Bản đồ tự nhiên vùng biển đảo VN. Bản đồ một số tài nguyên biểnVN. Biểu đồ nhiệt độ lượng mưa tại một số trạm khí tượng. Hình ảnh về các khu du lịch biển. |  | |
| **33** | |  | **97** |  |  |  |  |  | |
|  | **98** | **Chủ đề chung 2.** Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông | **Nhận biết:**  - Trình bày được những nét chính về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.  - Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử.  **Thông hiểu:** Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo Luật biển Việt Nam) |  | -Máy tính, ti vi.  - Hình ảnh vị trí phạm vi vùng biển đảo VN. Hình ảnh quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa VN |  | |
| **Địa** | **99** | **Chủ đề chung 2.** Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông | **Nhận biết:**  - Trình bày được những nét chính về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.  - Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử.  **Thông hiểu:** Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo Luật biển Việt Nam) | **50** | -Máy tính, ti vi.  - Hình ảnh vị trí phạm vi vùng biển đảo VN. Hình ảnh quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa VN |  | |
| **34** | |  | **100** | **Chủ đề chung 2.** Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông | **Nhận biết:**  - Trình bày được những nét chính về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.  - Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử.  **Thông hiểu:** Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo Luật biển Việt Nam) |  | -Máy tính, ti vi.  - Hình ảnh vị trí phạm vi vùng biển đảo VN. Hình ảnh quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa VN |  | |
|  | **101** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **102** | **Ôn tập cuối học kì II** | GV ôn tập các các kiến thức cơ bản từ bài 10, 11,12 và chủ đề chung 2. | **51** | Máy tính, ti vi. Học liệu. Bảng phụ; Phiếu học tập. |  | |
| **35** | |  | **103** |  |  |  |  |  | |
|  | **104** |  |  |  |  |  | |
| **Địa** | **105** | **Kiểm tra cuối học kì II** | - Đánh giá được kiến thức, năng lực và phẩm chất của HS trong HKII  - Rèn phẩm chất trung thực khi làm bài | **52** | Ma trận, Đề kiểm tra, hướng dẫn chấm |  | |

**Quy định số lần KTĐG Tx – ĐG Đk (Thông tư 22 sửa đổi)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **ĐGTx (mỗi HK)** | **ĐGĐk (HKI)** | | **ĐGĐk (HKII)** | |
| **4** | **KTGK** | **KTCK** | **KTGK** | **KTCK** |
| **1** | **1** | **1** | **1** |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian (1)** |  | **Thời điểm (2)** | **Yêu cầu cần đạt (3)** | **Hình thức (4)** |
| **Kiểm tra giữa kỳ 1** | **90 phút** |  | **Tuần 10** | **a) Kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **b) Về phẩm chất:**  Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra  **c) Năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với  lứa tuổi  +Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập | Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả |
| **Kiểm tra cuối kỳ 1** | **90 phút** |  | **Tuần 18** | **a) Kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **b) Về phẩm chất:**  Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra  **c) Năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với  lứa tuổi  +Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập | Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả |
| **Kiểm tra giữa kỳ 2** | **90 phút** |  | **Tuần 27** | **a) Kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **b) Về phẩm chất:**  Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra  **c) Năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với  lứa tuổi  +Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập | Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả |
| **Kiểm tra cuối kỳ 2** | **90 phút** |  | **Tuần 35** | **a) Kiến thức**  - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học  - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.  - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.  **b) Về phẩm chất:**  Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp  Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra  **c) Năng lực**  - Năng lực chung:  + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế.  - Năng lực đặc thù:  + Năng lực điều chỉnh hành: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với  lứa tuổi  +Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập | Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả |

*Lộc Thắng, ngày 2 tháng 8 năm 2023*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA TỔ CHUYÊN MÔN** | **XÁC NHẬN CỦA BAN GIÁM HIỆU** | **NHÓM GIÁO VIÊN**  **Lê Thị Tuyết**  **Trần Ngọc Thơ** |